

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2024

**DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO KHÔNG ĐÓNG HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025**

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1	1653020003	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	ĐV1-K10	011100035602	Thực tập doanh nghiệp	7	
2	1751010460	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	17ĐHQTC	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
3	1951200042	LÊ TRẦN	PHONG	19ĐHKT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình	3	
4	1953020051	ĐÌNH HOÀNG ANH	HUY	19ĐHĐT02	011100001101	Toán cao cấp A2	3	Lớp riêng
5	1953020083	TRIỆU THUẬN	TUÔNG	19ĐHĐT02	011100001101	Toán cao cấp A2	3	Lớp riêng
6	1953020087	LÊ BÌNH	NGUYỄN	19ĐHĐT02	011100051702	Toán cơ sở	3	
7	1953020094	TRẦN ĐÌNH	PHỤNG	19ĐHĐT02	011100001101	Toán cao cấp A2	3	Lớp riêng
8	1953020094	TRẦN ĐÌNH	PHỤNG	19ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
9	1953020094	TRẦN ĐÌNH	PHỤNG	19ĐHĐT02	011100027701	Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	4	Lớp riêng
10	1953020094	TRẦN ĐÌNH	PHỤNG	19ĐHĐT02	011100020002	Angten truyền sóng	3	
11	2011150014	Võ Đăng Quốc	Huy	20CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
12	2011150021	NGUYỄN HỒNG	TRANG	20CĐTM01	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
13	2011150050	NGUYỄN THANH	NGÂN	20CĐTM02	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
14	2011150081	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20CĐTM01	030100146202	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
15	2011150081	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20CĐTM01	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	4	
16	2011150081	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
17	2011150081	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
18	2011150081	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
19	2051010002	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	20ĐHQTTTH	010100011204	Quản trị dự án	3	
20	2051010075	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	20ĐHQTVT1	010100014001	Vận tải hàng hóa HK	3	
21	2051010169	NGUYỄN HỮU	PHÁT	20ĐHQTC1	010100012802	Bảo hiểm hàng không	2	
22	2051010234	NGUYỄN BẢO QUỐC	KHÁNH	20ĐHQTC1	010100018503	Marketing Cảng hàng không	2	
23	2051010234	NGUYỄN BẢO QUỐC	KHÁNH	20ĐHQTC1	010100018001	Quy hoạch Cảng HK	3	
24	2051010338	PHẠM NGỌC	HOÀNG	20ĐHQTC2	010100012801	Bảo hiểm hàng không	2	
25	2051010442	NGUYỄN KỶ ANH	KIỆN	20ĐHQTC1	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp	2	
26	2051010442	NGUYỄN KỶ ANH	KIỆN	20ĐHQTC1	010100017101	Quản trị tài chính	3	
27	2051010450	TRẦN THỊ NGỌC	NHI	20ĐHQTTTH	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp	2	

28	2051010470	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	20ĐHQTDL	010100000116	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
29	2051200031	NGUYỄN VĂN THÀNH VỸ	20ĐHKTO1	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
30	2051200032	MÃ HÓA TUỜNG	20ĐHKTO1	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
31	2051200045	NGÔ QUỐC VƯƠNG	20ĐHKTO1	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
32	2051200050	TRƯƠNG KHẢ NHÂN	20ĐHKTO1	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
33	2051200065	LÂM HƯNG THỊNH	20ĐHKTO1	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
34	2053020023	NGÔ NGỌC ANH THU	20ĐHĐTO1	011100051702	Toán cơ sở	3	
35	2053020093	THÁI GIA BẢO	20ĐHĐTO2	011100014302	Thí nghiệm kỹ thuật điện tử	2	
36	2053020110	LÊ PHAN TUẤN	20ĐHĐTO2	011100009001	Lý thuyết mạch 1	3	
37	2053020110	LÊ PHAN TUẤN	20ĐHĐTO2	011100051702	Toán cơ sở	3	
38	2105120007	Đoàn Lê Huy Khải	21ĐHĐTO1	011100064002	Kỹ thuật điện	3	
39	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100016001	Hệ thống thông tin Hàng không	3	
40	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100035602	Thực tập doanh nghiệp	7	
41	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
42	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100073101	Chuyên đề 2	2	
43	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100054401	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	3	
44	2105120052	NGUYỄN VIỆT TÂM	21ĐHĐTO2	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
45	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100016001	Hệ thống thông tin Hàng không	3	
46	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
47	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100073101	Chuyên đề 2	2	
48	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100035602	Thực tập doanh nghiệp	7	
49	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100051705	Toán cơ sở	3	
50	2105120067	ĐẬU XUÂN HOÀI	21ĐHĐTO2	011100064001	Kỹ thuật điện	3	
51	2105130041	NGUYỄN DUY KHOA	21ĐHTĐ01	011100156401	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
52	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
53	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
54	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
55	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
56	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100091201	Kỹ thuật điều khiển thuỷ khí tàu bay	2	
57	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100156601	Điều khiển thông minh	2	
58	2105130068	Triệu Thị Điệp	21ĐHTĐ02	011100089602	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
59	2105130081	Võ Công Hậu	21ĐHTĐ02	011100090702	Đồ án học phần 3 (TĐH HK)	3	
60	2105130081	Võ Công Hậu	21ĐHTĐ02	011100156601	Điều khiển thông minh	2	
61	2105130081	Võ Công Hậu	21ĐHTĐ02	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
62	2105130081	Võ Công Hậu	21ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
63	2105130081	Võ Công Hậu	21ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	

64	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100091201	Kỹ thuật điều khiển thuỷ khí tàu bay	2	
65	2105130092	Phan Văn Duy	Khang	21ĐHTĐ02	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
66	2105130092	Phan Văn Duy	Khang	21ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
67	2105130092	Phan Văn Duy	Khang	21ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
68	2110000026	Nguyễn Anh	Trung	21CĐCK01	030100066901	Thực hành bảo dưỡng tàu bay	4	
69	2110000026	Nguyễn Anh	Trung	21CĐCK01	030100069801	Tính năng tàu bay	2	
70	2110000026	Nguyễn Anh	Trung	21CĐCK01	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
71	2110000026	Nguyễn Anh	Trung	21CĐCK01	030100067301	Vẽ kỹ thuật	2	
72	2110000026	Nguyễn Anh	Trung	21CĐCK01	030100068301	Hệ thống điện tàu bay	3	
73	2111010017	Hà Thị	Hương	21CĐTM01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
74	2111010028	Đặng Lưu Minh	Anh	21CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
75	2111010039	Mai Quốc	Anh	21CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
76	2111010056	Lương Minh	Thành	21CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
77	2111010056	Lương Minh	Thành	21CĐAN01	030100059401	Tin học	3	Lớp riêng
78	2111150033	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
79	2111150033	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21CĐTM01	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
80	2111150101	Trần Tú	Trình	21CĐTM03	030100008101	An toàn hàng không	2	
81	2111150128	Trần Hoàng	Lâm	21CĐTM03	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
82	2111150139	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	21CĐTM03	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
83	2111150150	Hà Thị Ngọc	Vân	21CĐTM03	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
84	2111150151	Nguyễn Việt	Hung	21CĐTM03	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
85	2111150151	Nguyễn Việt	Hung	21CĐTM03	030100069001	Hành lý bất thường	2	
86	2111210023	LÊ QUỐC	DUY	21CĐKL01	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
87	2133410017	Lê Thị Mai	Thảo	21ĐVQT01	010200024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
88	2152210037	HUỲNH LÊ THÙY	DƯƠNG	21ĐHNAHK	010100122603	Thực tập doanh nghiệp	3	
89	2152210037	HUỲNH LÊ THÙY	DƯƠNG	21ĐHNAHK	010100159204	Kỹ năng đàm phán (NNA)	2	
90	2152210037	HUỲNH LÊ THÙY	DƯƠNG	21ĐHNAHK	010100093710	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
91	2152210061	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	OANH	21ĐHNATM	010100094201	Kỹ năng Thuyết trình	2	
92	2152210085	NGUYỄN TRẦN TÂM	ĐOAN	21ĐHNAHK	010100122611	Thực tập doanh nghiệp	3	
93	2152210091	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ		21ĐHNATM	010100092202	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	3	
94	2153410023	Đinh Thuý	Hiền	21ĐHQTC1	010200013101	Kinh tế vận tải hàng không	2	
95	2153410034	Vũ Hương	Linh	21ĐHQTC1	010100012004	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
96	2153410034	Vũ Hương	Linh	21ĐHQTC1	010100018503	Marketing Cảng hàng không	2	
97	2153410185	LÊ THỊ TRÀ	MY	21ĐHQTC2	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
98	2153410219	TRẦN ĐỨC	HUY	21ĐHQTTTH1	010100012009	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
99	2153410219	TRẦN ĐỨC	HUY	21ĐHQTTTH1	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	

100	2153410237	NGUYỄN NGỌC ĐẠT	21ĐHQTC2	010100070803	Thương mại điện tử	3	
101	2153410269	NGUYỄN QUANG TOÀN	21ĐHQTC3	010100011207	Quản trị dự án	3	
102	2153410280	TRƯƠNG THỊ THANH THÚY	21ĐHQTVT2	010100012801	Bảo hiểm hàng không	2	
103	2153410382	NGUYỄN THỊ QUẾ ANH	21ĐHQTVT2	010100011205	Quản trị dự án	3	
104	2153410423	VÕ TUYẾT NGỌC	21ĐHQTC2	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp	2	
105	2153410444	HUỖNH NGỌC THƯƠNG	21ĐHQTC3	010100012014	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
106	2153410444	HUỖNH NGỌC THƯƠNG	21ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
107	2153410444	HUỖNH NGỌC THƯƠNG	21ĐHQTC3	010100011207	Quản trị dự án	3	
108	2154810018	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	21ĐHTT01	010100086403	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
109	2154810041	NGUYỄN THIÊN ÂN	21ĐHTT01	010100086803	Lập trình mạng	3	
110	2154810041	NGUYỄN THIÊN ÂN	21ĐHTT01	010100039501	Hệ điều hành	3	
111	2154810041	NGUYỄN THIÊN ÂN	21ĐHTT01	011100051702	Toán cơ sở	3	
112	2154810115	LÊ MINH TRÍ	21ĐHTT02	010100086702	Máy học	3	
113	2154810115	LÊ MINH TRÍ	21ĐHTT02	010100086802	Lập trình mạng	3	
114	2154810115	LÊ MINH TRÍ	21ĐHTT02	010100086904	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
115	2155200021	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	21ĐHKT01	010800071502	Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	3	
116	2155200053	NGUYỄN VŨ QUỐC TOÀN	21ĐHKT01	011100064103	Kỹ thuật nhiệt	3	
117	2158420001	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	21ĐHKL01	010800143301	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	3	
118	2158420001	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	21ĐHKL01	010800134101	Thực tập doanh nghiệp	5	
119	2201010007	Nguyễn Thị Thuý Dương	22CĐAN01	030100024901	Tiếng Anh chuyên ngành- ANHK	4	
120	2201010024	Phạm Văn Huy	22CĐAN01	030100100301	Kiểm tra trực quan	3	
121	2201010024	Phạm Văn Huy	22CĐAN01	030100136901	Kiểm tra bằng công từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	2	
122	2201010024	Phạm Văn Huy	22CĐAN01	030100136101	Kiểm tra giấy tờ an ninh hàng không đối với hành khách đi tàu bay, người vào khu vực hạn chế	2	
123	2201010024	Phạm Văn Huy	22CĐAN01	030100026201	Tuần tra và canh gác	3	
124	2201010031	Trương Quốc Kiệt	22CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
125	2201010031	Trương Quốc Kiệt	22CĐAN01	030100098901	Võ thuật 2	2	
126	2201010031	Trương Quốc Kiệt	22CĐAN01	030100026201	Tuần tra và canh gác	3	
127	2201150007	Thái Thị Thu Hằng	22CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
128	2201150007	Thái Thị Thu Hằng	22CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
129	2201150007	Thái Thị Thu Hằng	22CĐTM01	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
130	2201150055	Nguyễn Bảo Trân	22CĐTM02	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
131	2201150056	Phan Thanh Xuân Viên	22CĐTM02	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
132	2201150075	Trịnh Dáng My	22CĐTM02	030100146202	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
133	2201150075	Trịnh Dáng My	22CĐTM02	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
134	2201150077	Trần Nguyễn Kim Thư	22CĐTM02	030100146202	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
135	2201150090	Lưu Hoàng Đức	22CĐTM02	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

136	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
137	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
138	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100008101	An toàn hàng không	2	
139	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100069001	Hành lý bất thường	2	
140	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
141	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100031401	Qui tắc bay	2	Lớp riêng (chỉ hiện đề xuất)
142	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100074201	Quản lý luồng không lưu	2	
143	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100178301	Thực tập doanh nghiệp.KL	7	
144	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100019901	Đo lường điện tử	2	
145	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100009001	Lý thuyết mạch 1	3	
146	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100009202	An toàn điện	3	
147	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
148	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100009102	Linh kiện điện tử	2	
149	2250000086	LÊ TUYẾT	TRINH	22ĐHKVKH	010100017712	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
150	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100170701	Kiến trúc công trình	2	
151	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100128001	Quản lý dự án xây dựng	2	
152	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100129901	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	
153	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100138701	Môi trường và an toàn lao động	2	
154	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100130001	Thiết kế kết cấu nhà thép	3	
155	2250000148	Võ Thanh	Huy	22ĐHXD01	011100172801	Quản lý và Khai thác hạ tầng cảng hàng không	3	
156	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100129901	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	
157	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100138701	Môi trường và an toàn lao động	2	
158	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100130001	Thiết kế kết cấu nhà thép	3	
159	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100172801	Quản lý và Khai thác hạ tầng cảng hàng không	3	
160	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100128001	Quản lý dự án xây dựng	2	
161	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100170701	Kiến trúc công trình	2	
162	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100116101	Kết cấu bê tông cốt thép	2	
163	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100094501	Kỹ năng đàm phán	3	
164	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100148601	Quản trị vận tải quốc tế	3	
165	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100148701	Quản trị Hợp đồng	3	
166	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100148501	Quản trị sản xuất và vận hành chuỗi cung ứng	3	
167	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100147201	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	2	
168	2250000188	Quách Minh	Hiếu	22ĐHKVLQ1	010100148201	Thủ tục hải quan	3	
169	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100170701	Kiến trúc công trình	2	
170	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100130001	Thiết kế kết cấu nhà thép	3	
171	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100172801	Quản lý và Khai thác hạ tầng cảng hàng không	3	

172	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100128001	Quản lý dự án xây dựng	2	
173	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100129901	Thiết kế kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	
174	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100138701	Môi trường và an toàn lao động	2	
175	2250000190	Trần Công	Đạo	22ĐHXD01	011100116101	Kết cấu bê tông cốt thép	2	
176	2250000193	Nguyễn Việt	Văn	22ĐHKVLĐ	010100030204	Kinh tế quốc tế	2	
177	2252210002	NGUYỄN THU	HÀNG	22ĐHNATM1	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
178	2252210016	HỒ TẤN	ĐẠT	22ĐHKL02	011100004001	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	2	
179	2252210124	Nguyễn Hữu	Tính	22ĐHNATM2	010100095001	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	
180	2252210124	Nguyễn Hữu	Tính	22ĐHNATM2	010100094902	Kỹ năng giao tiếp Kinh doanh	3	
181	2252210147	PHAN TRUNG	KIÊN	22ĐHNATM2	010100121508	Biên dịch	2	
182	2252210147	PHAN TRUNG	KIÊN	22ĐHNATM2	010100095003	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	
183	2253410029	TRẦN LƯU ÁNH	NHI	22ĐHQTVT1	010100011208	Quản trị dự án	3	
184	2253410054	NGÔ ANH	MINH	22ĐHQTVT1	010100001301	Pháp luật hàng không	2	
185	2253410072	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	22ĐHQTTTH	010200010602	Marketing căn bản	3	
186	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100012009	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
187	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
188	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100012804	Bảo hiểm hàng không	2	
189	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100023901	Quản trị doanh thu VTHK	2	
190	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100011203	Quản trị dự án	3	
191	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
192	2253410112	VÕ HOÀNG	PHONG	22ĐHQTVT1	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
193	2253410135	TRẦN CAO	VÀNG	22ĐHQTC2	010100011208	Quản trị dự án	3	
194	2253410165	VŨ THỊ HOÀI	THU	22ĐHQTC2	010100018503	Marketing Cảng hàng không	2	
195	2253410165	VŨ THỊ HOÀI	THU	22ĐHQTC2	010100011203	Quản trị dự án	3	
196	2253410213	CHU VĂN	THÀNH	22ĐHQTVT2	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
197	2253410213	CHU VĂN	THÀNH	22ĐHQTVT2	010100013201	Marketing hàng không	2	
198	2253410213	CHU VĂN	THÀNH	22ĐHQTVT2	010100014001	Vận tải hàng hóa HK	3	
199	2253410213	CHU VĂN	THÀNH	22ĐHQTVT2	010100012802	Bảo hiểm hàng không	2	
200	2253410219	Lê Oanh	My	22ĐHQTC2	010100011208	Quản trị dự án	3	
201	2253410235	HỒ THÚY	QUỲNH	22ĐHQTC3	010100012011	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
202	2253410283	TRƯƠNG THANH DIỄM	NHI	22ĐHQTVT2	010100011205	Quản trị dự án	3	
203	2253410291	NHAN THỤY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
204	2253410291	NHAN THỤY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
205	2253410291	NHAN THỤY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100018503	Marketing Cảng hàng không	2	
206	2253410291	NHAN THỤY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100012002	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
207	2253410291	NHAN THỤY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100012802	Bảo hiểm hàng không	2	

208	2253410291	NHAN THUY KIM	NGÂN	22ĐHQTC4	010100017105	Quản trị tài chính	3	
209	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	010100011204	Quản trị dự án	3	
210	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100074901	Kế toán quản trị	2	
211	2253440001	PHAN LÊ KIM	NGÂN	22ĐHNL01	010100011208	Quản trị dự án	3	
212	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100133201	Thương mại điện tử	2	
213	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100138801	Bảo hiểm xã hội	3	
214	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100139001	Quản trị văn phòng	2	
215	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100012302	Văn hóa doanh nghiệp	2	
216	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100119702	Quản trị hiệu quả công việc	3	
217	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100119801	Quản trị giữ chân người lao động	3	
218	2253440060	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	22ĐHNL02	010100170201	Thực tập tốt nghiệp QTNL	4	
219	2254810022	PHAN ĐĂNG	DŨNG	22ĐHTT01	010100086701	Máy học	3	
220	2254810026	DƯƠNG TẤN	TÀI	22ĐHTT01	011100051701	Toán cơ sở	3	
221	2254810059	HỒ ĐÌNH	HUY	22ĐHTT02	010100086802	Lập trình mạng	3	
222	2254810059	HỒ ĐÌNH	HUY	22ĐHTT02	010100086405	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
223	2254810059	HỒ ĐÌNH	HUY	22ĐHTT02	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
224	2254810059	HỒ ĐÌNH	HUY	22ĐHTT02	010100087205	Lập trình Python	3	
225	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100096702	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	3	
226	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100086901	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
227	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100087203	Lập trình Python	3	
228	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100001304	Pháp luật hàng không	2	
229	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100084702	Lý thuyết đồ thị	2	
230	2254810079	VÕ QUỐC	HUY	22ĐHTT02	010100001611	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
231	2254810093	LÊ TRÂM	ANH	22ĐHTT02	011100051702	Toán cơ sở	3	
232	2254810101	PHẠM TRỌNG	TOÀN	22ĐHTT02	010100087205	Lập trình Python	3	
233	2254810101	PHẠM TRỌNG	TOÀN	22ĐHTT02	010100086902	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
234	2254810101	PHẠM TRỌNG	TOÀN	22ĐHTT02	010100086402	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
235	2254810109	TRƯỜNG SƠN	TRÚC	22ĐHTT03	010100085004	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
236	2254810109	TRƯỜNG SƠN	TRÚC	22ĐHTT03	010100084701	Lý thuyết đồ thị	2	
237	2254810127	NGUYỄN VĂN	QUANG	22ĐHTT03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
238	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	010100096701	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	3	
239	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	010100086402	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
240	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	010100087201	Lập trình Python	3	
241	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	010100085701	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
242	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
243	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH ĐOAN		22ĐHTT04	011100051702	Toán cơ sở	3	

244	2254810266	LƯ HOÀNG MINH	HIẾU	22ĐHTT06	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
245	2254810266	LƯ HOÀNG MINH	HIẾU	22ĐHTT06	010100086802	Lập trình mạng	3	
246	2254810266	LƯ HOÀNG MINH	HIẾU	22ĐHTT06	010100087202	Lập trình Python	3	
247	2254810266	LƯ HOÀNG MINH	HIẾU	22ĐHTT06	010100086402	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
248	2254810266	LƯ HOÀNG MINH	HIẾU	22ĐHTT06	010100086703	Máy học	3	
249	2254810308	HOÀNG GIA	KIỆT	22ĐHTT01	010100086901	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
250	2254810308	HOÀNG GIA	KIỆT	22ĐHTT01	010100096702	Xây dựng ứng dụng thương mại điện tử	3	
251	2254810308	HOÀNG GIA	KIỆT	22ĐHTT01	010100085701	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
252	2254810308	HOÀNG GIA	KIỆT	22ĐHTT01	010100086401	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
253	2254810308	HOÀNG GIA	KIỆT	22ĐHTT01	010100087205	Lập trình Python	3	
254	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100086401	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
255	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100086903	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
256	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100087205	Lập trình Python	3	
257	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100086802	Lập trình mạng	3	
258	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
259	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100086701	Máy học	3	
260	2254810309	NGUYỄN MINH	TÚ	22ĐHTT01	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
261	2254810320	Phan Thị Thảo	Anh	22ĐHTT03	010100001614	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
262	2254810320	Phan Thị Thảo	Anh	22ĐHTT03	010100084701	Lý thuyết đồ thị	2	
263	2254810320	Phan Thị Thảo	Anh	22ĐHTT03	010100085003	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
264	2254810321	Trịnh Nguyên	Khang	22ĐHTT04	011100051701	Toán cơ sở	3	
265	2255120002	VÕ NHẬT THANH	VI	22ĐHĐT01	011100020001	Angten truyền sóng	3	
266	2255120002	VÕ NHẬT THANH	VI	22ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
267	2255120002	VÕ NHẬT THANH	VI	22ĐHĐT01	011100028001	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	3	
268	2255120002	VÕ NHẬT THANH	VI	22ĐHĐT01	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
269	2255120002	VÕ NHẬT THANH	VI	22ĐHĐT01	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
270	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100020001	Angten truyền sóng	3	
271	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100054401	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	3	
272	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
273	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
274	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
275	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100028002	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	3	
276	2255120020	NGUYỄN MINH	QUÂN	22ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
277	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100028001	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	3	
278	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
279	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100020001	Angten truyền sóng	3	

280	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
281	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
282	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
283	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100020002	Angten truyền sóng	3	
284	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100028002	Hệ thống dẫn đường toàn cầu (GNSS)	3	
285	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100054401	Hệ thống giám sát phụ thuộc ADSB	3	
286	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
287	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
288	2255120062	VÕ MINH	ĐĂNG	22ĐHĐT02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
289	2255120066	Lê Nguyễn Minh	Hoàng	22ĐHKVKH	010100010425	Kinh tế vi mô	3	
290	2255130002	NGUYỄN QUANG	VŨ	22ĐHTĐ01	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
291	2255130015	ĐOÀN DƯƠNG	LUÂN	22ĐHTĐ01	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
292	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100089102	Cảm biến	2	
293	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100089602	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
294	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100103201	Thực hành PLC	2	
295	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
296	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
297	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
298	2255130023	DOÃN THANH	ANH	22ĐHTĐ01	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
299	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀNH	LÂM	22ĐHTĐ01	011100103201	Thực hành PLC	2	
300	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀNH	LÂM	22ĐHTĐ01	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
301	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀNH	LÂM	22ĐHTĐ01	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
302	2255130026	NGUYỄN VĂN THÀNH	LÂM	22ĐHTĐ01	011100089102	Cảm biến	2	
303	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100014602	Điện tử công suất	3	
304	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100090701	Đồ án học phần 3 (TĐH HK)	3	
305	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100156601	Điều khiển thông minh	2	
306	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
307	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
308	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
309	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100090401	Mobile Robot	2	
310	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100156401	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
311	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100089101	Cảm biến	2	
312	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
313	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100091201	Kỹ thuật điều khiển thuỷ khí tàu bay	2	
314	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100089601	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
315	2255130028	NGUYỄN HUY	HIẾU	22ĐHTĐ01	011100103202	Thực hành PLC	2	

316	2255130032	Hồ Văn Huy	Cường	22ĐHTĐ01	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
317	2255130034	Huỳnh Thị Kim	Anh	22ĐHTĐ01	011100103201	Thực hành PLC	2	
318	2255130034	Huỳnh Thị Kim	Anh	22ĐHTĐ01	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
319	2255130034	Huỳnh Thị Kim	Anh	22ĐHTĐ01	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
320	2255130034	Huỳnh Thị Kim	Anh	22ĐHTĐ01	011100089101	Cảm biến	2	
321	2255130034	Huỳnh Thị Kim	Anh	22ĐHTĐ01	011100089601	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
322	2255130041	Nguyễn Thanh Hoàng	Minh	22ĐHTĐ01	011100051704	Toán cơ sở	3	
323	2255130065	Trần Đức	Phát	22ĐHQTTTH	010100012101	Quản trị rủi ro	2	
324	2255130065	Trần Đức	Phát	22ĐHQTTTH	010100074902	Kế toán quản trị	2	
325	2255130065	Trần Đức	Phát	22ĐHQTTTH	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
326	2255130065	Trần Đức	Phát	22ĐHQTTTH	010100099801	Thị trường chứng khoán	2	
327	2255130065	Trần Đức	Phát	22ĐHQTTTH	010100011203	Quản trị dự án	3	
328	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100103202	Thực hành PLC	2	
329	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100089102	Cảm biến	2	
330	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100089602	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
331	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
332	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
333	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
334	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
335	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100103201	Thực hành PLC	2	
336	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100090702	Đồ án học phần 3 (TĐH HK)	3	
337	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100089602	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
338	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100156601	Điều khiển thông minh	2	
339	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
340	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
341	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
342	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100089101	Cảm biến	2	
343	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
344	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100103202	Thực hành PLC	2	
345	2255130075	HUỖNH DUY ANH	KHÔI	22ĐHTĐ02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
346	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
347	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
348	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
349	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100103202	Thực hành PLC	2	
350	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
351	2255130086	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	22ĐHTĐ02	011100089103	Cảm biến	2	

352	2255130086	NGUYỄN QUỐC TOÀN	22ĐHTĐ02	011100089602	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
353	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
354	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100103201	Thực hành PLC	2	
355	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100088402	IOT(Internet Of Things)	2	
356	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100016401	Hệ thống SCADA	2	
357	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100089601	Đồ án học phần 2 (TĐH HK)	3	
358	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100156402	Kiến tập Điện - Điện tử	2	
359	2255130087	LƯ CHÍ HẢI	22ĐHTĐ02	011100089102	Cảm biến	2	
360	2255130102	NGUYỄN THÁI SON	22ĐHTĐ01	011100014803	Cơ sở điều khiển tự động	3	
361	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100090401	Mobile Robot	2	
362	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
363	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100090301	Hệ thống điều khiển số	3	
364	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100103202	Thực hành PLC	2	
365	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
366	2255130107	Nguyễn Xuân Huy	22ĐHTĐ02	011100089103	Cảm biến	2	
367	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
368	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	011100117801	Yếu tố con người và An toàn	3	
369	2255200016	ĐỖ HUY HOÀNG	22ĐHKT01	011100132601	Thí nghiệm KTHK 2	2	
370	2255200020	HUỖNH THANH CHÍ BẢO	22ĐHKT01	011100132601	Thí nghiệm KTHK 2	2	
371	2255200020	HUỖNH THANH CHÍ BẢO	22ĐHKT01	011100071801	Điện - điện tử tàu bay	3	
372	2255200020	HUỖNH THANH CHÍ BẢO	22ĐHKT01	011100105901	Cơ học bay 2	3	
373	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100132601	Thí nghiệm KTHK 2	2	
374	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100118001	Động cơ và lực đẩy	3	
375	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
376	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100117801	Yếu tố con người và An toàn	3	
377	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100071801	Điện - điện tử tàu bay	3	
378	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100105901	Cơ học bay 2	3	
379	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100061903	Sức bền vật liệu	2	
380	2255200025	LÊ TIỀN ĐẠT	22ĐHKT01	011100064103	Kỹ thuật nhiệt	3	
381	2255200035	LÊ NAM AN	22ĐHNAHK	010100084301	Ngữ pháp 1	3	
382	2255200035	LÊ NAM AN	22ĐHNAHK	010100084105	Nghe - Nói 1	3	
383	2255200037	LÊ VĂN TRỌNG ÂN	22ĐHQTTTH	010100017701	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
384	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA VẮN	22ĐHKT02	011100118001	Động cơ và lực đẩy	3	
385	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA VẮN	22ĐHKT02	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
386	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA VẮN	22ĐHKT02	011100132602	Thí nghiệm KTHK 2	2	
387	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA VẮN	22ĐHKT02	011100105901	Cơ học bay 2	3	

388	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA	VĂN	22ĐHKTO2	011100117802	Yếu tố con người và An toàn	3	
389	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA	VĂN	22ĐHKTO2	011100071802	Điện - điện tử tàu bay	3	
390	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA	VĂN	22ĐHKTO2	011100064103	Kỹ thuật nhiệt	3	
391	2255200082	NGUYỄN ĐÌNH GIA	VĂN	22ĐHKTO2	011100105501	Khí động học 1	3	
392	2255200100	Hoàng Nhật	Duy	22ĐHKTO2	011100132601	Thí nghiệm KTHK 2	2	
393	2255200100	Hoàng Nhật	Duy	22ĐHKTO2	011100105902	Cơ học bay 2	3	
394	2255200100	Hoàng Nhật	Duy	22ĐHKTO2	011100118001	Động cơ và lực đẩy	3	
395	2255200100	Hoàng Nhật	Duy	22ĐHKTO2	011100117801	Yếu tố con người và An toàn	3	
396	2255200100	Hoàng Nhật	Duy	22ĐHKTO2	011100071801	Điện - điện tử tàu bay	3	
397	2258130041	Phạm Thái	Tín	22ĐHDL01	010100124002	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	4	
398	2258130041	Phạm Thái	Tín	22ĐHDL01	010100123401	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	
399	2258130041	Phạm Thái	Tín	22ĐHDL01	010100141601	Nghiep vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
400	2258130041	Phạm Thái	Tín	22ĐHDL01	010100138903	Văn hóa ẩm thực	3	
401	2258130041	Phạm Thái	Tín	22ĐHDL01	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
402	2258130076	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	22ĐHDL02	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
403	2258420057	ĐÌNH THU	TRANG	22ĐHKLO2	010800071301	Khai thác và quản lý tàu bay	3	
404	2258420100	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	22ĐHKLO2	010800081801	Thiết kế phương thức bay	4	
405	2331310014	Lâm Kỳ	Duyên	23ĐHQTC1	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
406	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQTC2	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
407	2331310157	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	23ĐHQTVT1	010100149802	Quản trị đa văn hóa	3	
408	2331310161	NGUYỄN ĐOÀN ĐÌNH	HIẾU	23ĐHQTVT1	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
409	2331310328	Trương Mai Gia	Hân	23ĐHQTC2	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
410	2331310390	HỒ NGỌC YẾN	NHI	23ĐHQTC3	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
411	2331310400	NGUYỄN MINH	TIẾN	23ĐHQTKQ2	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
412	2331310400	NGUYỄN MINH	TIẾN	23ĐHQTKQ2	010100012101	Quản trị rủi ro	2	
413	2331310413	TRẦN HÀ BẢO	TRÂN	23ĐHQTKQ2	010100149801	Quản trị đa văn hóa	3	
414	2331310429	NGUYỄN HÀ AN	THÁI	23ĐHQTTTH2	010100012004	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
415	2331310449	NGUYỄN ÁI	HẢO	23ĐHQTVT1	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
416	2331310458	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23ĐHQTTTH2	010100011908	Quản trị Marketing	3	
417	2331310458	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23ĐHQTTTH2	010100012008	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
418	2331310458	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23ĐHQTTTH2	011100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
419	2331310458	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23ĐHQTTTH2	010100150701	Kinh doanh quốc tế	3	
420	2331310460	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	23ĐHQTVT2	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
421	2331310460	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	23ĐHQTVT2	010100014001	Vận tải hàng hóa HK	3	
422	2331310460	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	23ĐHQTVT2	010800018801	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	3	
423	2331310460	TRẦN HOÀNG THẢO	VY	23ĐHQTVT2	010100158201	Quản trị doanh thu hãng hàng không	3	

424	2331310460	TRẦN HOÀNG THẢO VY		23ĐHQTVT2	010100017105	Quản trị tài chính	3	
425	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100149801	Quản trị đa văn hóa	3	
426	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
427	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
428	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
429	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100012002	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
430	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100001301	Pháp luật hàng không	2	
431	2331310461	Nguyễn Thanh	Hiền	23ĐHQTC1	010100011905	Quản trị Marketing	3	
432	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQTTTH2	010100150703	Kinh doanh quốc tế	3	
433	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQTTTH2	010100011905	Quản trị Marketing	3	
434	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQTTTH2	010100012005	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
435	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQTTTH2	010100149805	Quản trị đa văn hóa	3	
436	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQTTTH2	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
437	2331310475	NGUYỄN VIÊN GIA	LINH	23ĐHQTVT2	011100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
438	2331310475	NGUYỄN VIÊN GIA	LINH	23ĐHQTVT2	010100011906	Quản trị Marketing	3	
439	2331310475	NGUYỄN VIÊN GIA	LINH	23ĐHQTVT2	010100012013	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
440	2331310475	NGUYỄN VIÊN GIA	LINH	23ĐHQTVT2	010100001305	Pháp luật hàng không	2	
441	2331310475	NGUYỄN VIÊN GIA	LINH	23ĐHQTVT2	010100149810	Quản trị đa văn hóa	3	
442	2331310480	Nguyễn Thị Vân	Anh	23ĐHQTTTH1	010100150703	Kinh doanh quốc tế	3	
443	2331310480	Nguyễn Thị Vân	Anh	23ĐHQTTTH1	010100001610	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
444	2331310480	Nguyễn Thị Vân	Anh	23ĐHQTTTH1	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
445	2331310484	Nguyễn Lê Thúy	Anh	23ĐHQTKQ2	010100011906	Quản trị Marketing	3	
446	2331310484	Nguyễn Lê Thúy	Anh	23ĐHQTKQ2	010100150702	Kinh doanh quốc tế	3	
447	2331310487	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHQTKQ2	010100150702	Kinh doanh quốc tế	3	
448	2331310511	Phạm Ngọc	Anh	23ĐHQTTAN	010100014002	Vận tải hàng hóa HK	3	
449	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQTVT2	010800018801	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	3	
450	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQTVT2	010100158201	Quản trị doanh thu hăng hàng không	3	
451	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQTVT2	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
452	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQTVT2	010100014001	Vận tải hàng hóa HK	3	
453	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQTVT2	010100017105	Quản trị tài chính	3	
454	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
455	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100001305	Pháp luật hàng không	2	
456	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100149806	Quản trị đa văn hóa	3	
457	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100012007	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
458	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
459	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100011907	Quản trị Marketing	3	

460	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQTC1	010100017105	Quản trị tài chính	3	
461	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQTTTH1	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
462	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQTTTH1	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
463	2331310561	Trần Như Phong	Lan	23ĐHQTC2	010100012004	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
464	2331310572	Phạm Phúc	Lộc	23ĐHQTC2	010100012014	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
465	2331310572	Phạm Phúc	Lộc	23ĐHQTC2	010100011908	Quản trị Marketing	3	
466	2331310572	Phạm Phúc	Lộc	23ĐHQTC2	011100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
467	2331310572	Phạm Phúc	Lộc	23ĐHQTC2	010100149810	Quản trị đa văn hóa	3	
468	2331310572	Phạm Phúc	Lộc	23ĐHQTC2	010100001301	Pháp luật hàng không	2	
469	2331310612	Trần Thị Thanh	Thảo	23ĐHQTKQ1	010100150702	Kinh doanh quốc tế	3	
470	2331310612	Trần Thị Thanh	Thảo	23ĐHQTKQ1	010100149808	Quản trị đa văn hóa	3	
471	2331310612	Trần Thị Thanh	Thảo	23ĐHQTKQ1	010100011905	Quản trị Marketing	3	
472	2331310612	Trần Thị Thanh	Thảo	23ĐHQTKQ1	010100012005	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
473	2331310612	Trần Thị Thanh	Thảo	23ĐHQTKQ1	010100001618	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
474	2331320006	CHÂU KIM	LÊ	23ĐHNL01	010100119801	Quản trị giữ chân người lao động	3	
475	2331320020	Trần Huỳnh Nam	Anh	23ĐHNL04	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
476	2331320030	LÂM THỊ TÚ	SƯƠNG	23ĐHNL01	010100017703	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
477	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100137704	Quản trị quan hệ lao động	3	
478	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100017101	Quản trị tài chính	3	
479	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
480	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100001603	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
481	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100118502	Phân tích định lượng trong quản trị	3	
482	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
483	2331320061	BÙI HUỲNH SANG	THÙY	23ĐHNL02	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
484	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
485	2331320073	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO		23ĐHNL04	010100137701	Quản trị quan hệ lao động	3	
486	2331320073	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO		23ĐHNL04	010100017103	Quản trị tài chính	3	
487	2331320073	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO		23ĐHNL04	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
488	2331320073	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO		23ĐHNL04	010100000111	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
489	2331320073	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO		23ĐHNL04	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
490	2331320082	Nguyễn Lê Ánh	Dương	23ĐHNL02	010100017104	Quản trị tài chính	3	
491	2331320123	PHẠM QUỐC	OAI	23ĐHNL03	010100058704	Quản trị học (Introduction to Management)	3	
492	2331320123	PHẠM QUỐC	OAI	23ĐHNL03	010100017707	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
493	2331320153	PHẠM THANH	HUYỀN	23ĐHNL03	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
494	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY		23ĐHNL04	010100118504	Phân tích định lượng trong quản trị	3	
495	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY		23ĐHNL04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

496	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	23ĐHNL04	010100137702	Quản trị quan hệ lao động	3	
497	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	23ĐHNL04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
498	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	23ĐHNL04	010100017104	Quản trị tài chính	3	
499	2331320161	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	23ĐHNL04	010100010425	Kinh tế vi mô	3	
500	2331320163	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	23ĐHNL03	010100017103	Quản trị tài chính	3	
501	2331320163	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	23ĐHNL03	010100118504	Phân tích định lượng trong quản trị	3	
502	2331320163	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	23ĐHNL03	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
503	2331320163	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	23ĐHNL03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
504	2331320163	ĐỖ THỊ ÁNH LINH	23ĐHNL03	010100017715	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
505	2331320167	LỮ GIA MINH NGÂN	23ĐHNL04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
506	2331320175	TRẦN MINH MỘNG KIỀU	23ĐHNL03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
507	2331320205	Thái Huỳnh Khánh Vy	23ĐHNL04	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
508	2331320207	Nguyễn Quang Trung	23ĐHNL04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
509	2331320212	Hà Công Nam	23ĐHNL04	010100000116	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
510	2331510008	BÙI LÊ NHẬT DUY	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
511	2331510016	VÕ LÊ HỒNG TRÚC	23ĐHĐT01	011100089101	Cảm biến	2	
512	2331510016	VÕ LÊ HỒNG TRÚC	23ĐHĐT01	011100140001	truyền số liệu và mạng máy tính	3	
513	2331510016	VÕ LÊ HỒNG TRÚC	23ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
514	2331510016	VÕ LÊ HỒNG TRÚC	23ĐHĐT01	011100014701	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	
515	2331510016	VÕ LÊ HỒNG TRÚC	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
516	2331510021	LÊ MINH TIỆP	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
517	2331510022	Phan Thị Yên Nhi	23ĐHĐT01	010100000310	Pháp luật đại cương	2	
518	2331510030	NGUYỄN VÕ VĨ KHA	23ĐHĐT01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
519	2331510030	NGUYỄN VÕ VĨ KHA	23ĐHĐT01	011100089101	Cảm biến	2	
520	2331510030	NGUYỄN VÕ VĨ KHA	23ĐHĐT01	010100000310	Pháp luật đại cương	2	
521	2331510030	NGUYỄN VÕ VĨ KHA	23ĐHĐT01	011100014701	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	
522	2331510030	NGUYỄN VÕ VĨ KHA	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
523	2331510034	Trần Võ Minh Quân	23ĐHĐT01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
524	2331510034	Trần Võ Minh Quân	23ĐHĐT01	011100089101	Cảm biến	2	
525	2331510034	Trần Võ Minh Quân	23ĐHĐT01	011100014701	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	
526	2331510034	Trần Võ Minh Quân	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
527	2331510039	THÁI THIÊN PHÚC	23ĐHĐT01	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
528	2331510040	Nguyễn Gia Bảo	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
529	2331510040	Nguyễn Gia Bảo	23ĐHĐT01	010100001610	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
530	2331510040	Nguyễn Gia Bảo	23ĐHĐT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
531	2331510040	Nguyễn Gia Bảo	23ĐHĐT01	011100140001	truyền số liệu và mạng máy tính	3	

532	2331510040	Nguyễn Gia	Bảo	23ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
533	2331510040	Nguyễn Gia	Bảo	23ĐHĐT01	011100014701	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	3	
534	2331510040	Nguyễn Gia	Bảo	23ĐHĐT01	011100089103	Cảm biến	2	
535	2331510043	Nguyễn Châu Chí	Cường	23ĐHĐT01	011100010102	Điện tử số	3	
536	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100006001	Đồ án môn học 1	2	
537	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
538	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100014802	Cơ sở điều khiển tự động	3	
539	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100140001	truyền số liệu và mạng máy tính	3	
540	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100009502	Kỹ thuật lập trình	3	
541	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100089103	Cảm biến	2	
542	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100073001	Hệ thống thông tin hàng không	3	
543	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	010100052402	Lịch sử Đảng	2	
544	2331510058	LÊ DUY	ANH	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
545	2331510058	LÊ DUY	ANH	23ĐHĐT01	011100051704	Toán cơ sở	3	
546	2331510058	LÊ DUY	ANH	23ĐHĐT01	011100019903	Đo lường điện tử	2	
547	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	011100009101	Linh kiện điện tử	2	
548	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
549	2331520039	PHẠM TẤN TINH	KHUÊ	23ĐHKT01	011100111903	Tiếng Anh 3	3	
550	2331520039	PHẠM TẤN TINH	KHUÊ	23ĐHKT01	010100001611	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
551	2331530006	VÕ TRỌNG	ĐĂNG	23ĐHTĐ01	011100010102	Điện tử số	3	
552	2331530006	VÕ TRỌNG	ĐĂNG	23ĐHTĐ01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
553	2331530006	VÕ TRỌNG	ĐĂNG	23ĐHTĐ01	011100014601	Điện tử công suất	3	
554	2331530006	VÕ TRỌNG	ĐĂNG	23ĐHTĐ01	011100019904	Đo lường điện tử	2	
555	2331530006	VÕ TRỌNG	ĐĂNG	23ĐHTĐ01	011100016402	Hệ thống SCADA	2	
556	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	23ĐHTĐ02	011100014602	Điện tử công suất	3	
557	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	23ĐHTĐ02	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
558	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	23ĐHTĐ02	011100019904	Đo lường điện tử	2	
559	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	23ĐHTĐ02	011100009502	Kỹ thuật lập trình	3	
560	2331530065	Lại Lê Hoàng	Yến	23ĐHTĐ02	011100010101	Điện tử số	3	
561	2331530068	Trần Đức	Thiện	23ĐHTĐ02	011100091401	Chuyên đề 2 (TĐH HK)	3	
562	2331530075	Trần Bùi Xuân	Khanh	23ĐHTĐ02	011100051704	Toán cơ sở	3	
563	2331530079	Trần Hữu Hải	Nam	23ĐHTĐ02	011100051707	Toán cơ sở	3	
564	2331530079	Trần Hữu Hải	Nam	23ĐHTĐ02	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
565	2331530101	Nguyễn Quang	Vinh	23ĐHTĐ02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
566	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
567	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	011100009103	Linh kiện điện tử	2	

568	2331540035	LÊ THỊ HẢI	UYÊN	23ĐHTT01	010100037303	Cơ sở dữ liệu	3	
569	2331540037	HÀ ANH	KHOA	23ĐHTT01	010100084703	Lý thuyết đồ thị	2	
570	2331540037	HÀ ANH	KHOA	23ĐHTT01	010100085405	Lập trình Web	3	
571	2331540037	HÀ ANH	KHOA	23ĐHTT01	010100039503	Hệ điều hành	3	
572	2331540096	Phạm Chí	Bình	23ĐHTT02	011100051701	Toán cơ sở	3	
573	2331540100	HUỖNH TRỌNG	THẮNG	23ĐHTT02	011100051702	Toán cơ sở	3	
574	2331540106	LÊ HỒ BẢO	CHÂU	23ĐHTT02	010100084705	Lý thuyết đồ thị	2	
575	2331540115	Võ Thành	Duy	23ĐHTT03	010100085402	Lập trình Web	3	
576	2331540128	TRẦN THỊ MINH	TRANG	23ĐHTT03	011100051703	Toán cơ sở	3	
577	2331540168	HOÀNG MINH	TÚ	23ĐHTT03	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
578	2331540168	HOÀNG MINH	TÚ	23ĐHTT03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
579	2331540168	HOÀNG MINH	TÚ	23ĐHTT03	010100037302	Cơ sở dữ liệu	3	
580	2331540168	HOÀNG MINH	TÚ	23ĐHTT03	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
581	2331540170	TRẦN MINH	QUANG	23ĐHTT04	010100084704	Lý thuyết đồ thị	2	
582	2331540179	NGUYỄN NGỌC ANH	DƯƠNG	23ĐHTT04	010100084701	Lý thuyết đồ thị	2	
583	2331540183	DƯƠNG MINH	TRÍ	23ĐHTT04	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
584	2331540189	Trần Thị Vân	Anh	23ĐHTT04	010100084701	Lý thuyết đồ thị	2	
585	2331540189	Trần Thị Vân	Anh	23ĐHTT04	010100085003	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
586	2331540189	Trần Thị Vân	Anh	23ĐHTT04	010100085404	Lập trình Web	3	
587	2331540189	Trần Thị Vân	Anh	23ĐHTT04	010100001620	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
588	2331540189	Trần Thị Vân	Anh	23ĐHTT04	010100039502	Hệ điều hành	3	
589	2331540212	HOÀNG LÊ	TRUNG	23ĐHTT04	010100001613	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
590	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100039502	Hệ điều hành	3	
591	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100086904	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
592	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100085402	Lập trình Web	3	
593	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100084703	Lý thuyết đồ thị	2	
594	2331540239	Đỗ Huy	Hoàng	23ĐHTT05	010100086405	Đồ án chuyên ngành CNTT	3	
595	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
596	2331540257	Bùi Hữu	Trí	23ĐHTT05	010100084702	Lý thuyết đồ thị	2	
597	2331540257	Bùi Hữu	Trí	23ĐHTT05	010100085402	Lập trình Web	3	
598	2331540257	Bùi Hữu	Trí	23ĐHTT05	010100039504	Hệ điều hành	3	
599	2331540257	Bùi Hữu	Trí	23ĐHTT05	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
600	2331540282	Đoàn Nguyễn Nhã	Quỳnh	23ĐHTT01	011100051705	Toán cơ sở	3	
601	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100084704	Lý thuyết đồ thị	2	
602	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	011100001302	Pháp luật hàng không	3	
603	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100085003	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	

604	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	23ĐHTT05	010100087205	Lập trình Python	3	
605	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	23ĐHTT05	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
606	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	23ĐHTT05	010100084701	Lý thuyết đồ thị	2	
607	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	23ĐHTT05	010100085001	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
608	2331540304	Nguyễn Văn	Bằng	23ĐHTT05	010100085004	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
609	2331540307	Trần Thanh	Bảo	23ĐHTT02	010100085004	Phân tích và thiết kế thuật giải	2	
610	2331540311	Trần Lê Hạnh	Phúc	23ĐHTT03	010100039501	Hệ điều hành	3	
611	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
612	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
613	2331540337	Võ Trung	Kiên	23ĐHTT06	011100001602	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
614	2331710009	VŨ CHI	MAI	23ĐHKL01	011100052403	Lịch sử Đảng	2	
615	2331710048	TRƯỜNG BẢO	NGỌC	23ĐHKL01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
616	2331710059	NGUYỄN MINH	TRÍ	23ĐHKL01	011100052403	Lịch sử Đảng	2	
617	2331710082	ĐẶNG THỊ THANH	TUYỀN	23ĐHKL02	011100004003	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	2	
618	2331710097	PHẠM THANH	TRUÔNG	23ĐHKL02	011100052403	Lịch sử Đảng	2	
619	2331710097	PHẠM THANH	TRUÔNG	23ĐHKL02	011100004003	Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	2	
620	2331710134	LÊ MINH	HÙNG	23ĐHKL03	011100003601	Dịch vụ không lưu	3	
621	2331710153	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	23ĐHKL03	010100111901	Tiếng Anh 3	3	
622	2331720011	Nguyễn Thị Mai	Thúy	23ĐHNA01	010100084211	Đọc - Viết 1	3	
623	2331720038	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	23ĐHNA01	010100074619	Triết học Mác Lênin	3	
624	2331720038	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	23ĐHNA01	010100092509	Nghe - Nói 4	3	
625	2331720038	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	23ĐHNA01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
626	2331720039	NGUYỄN KHÁNH	VY	23ĐHNA01	010100121504	Biên dịch	2	
627	2331720039	NGUYỄN KHÁNH	VY	23ĐHNA01	010100092509	Nghe - Nói 4	3	
628	2331720050	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	23ĐHNA01	010100074611	Triết học Mác Lênin	3	
629	2331720071	ĐỖ NGỌC GIA	HÂN	23ĐHNA02	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
630	2331720089	PHẠM NGUYỄN NGỌC	NHI	23ĐHNA02	010100093708	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
631	2331720098	TRẦN THỊ DẠ	THẢO	23ĐHNA02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
632	2331720138	Nguyễn Trần Yên	My	23ĐHNA03	010100092502	Nghe - Nói 4	3	
633	2331720138	Nguyễn Trần Yên	My	23ĐHNA03	010100093009	Đọc - Viết 4	3	
634	2331720160	TRẦN NGỌC YẾN	VY	23ĐHNA03	010100092502	Nghe - Nói 4	3	
635	2331720160	TRẦN NGỌC YẾN	VY	23ĐHNA03	010100093010	Đọc - Viết 4	3	
636	2331720182	PHẠM HOÀNG THẢO	NGUYỄN	23ĐHNA04	010100074616	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	
637	2331720187	ĐINH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
638	2331720187	ĐINH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	010100121510	Biên dịch	2	
639	2331720187	ĐINH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	010100093709	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	

640	2331720187	ĐÌNH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	010100092509	Nghe - Nói 4	3	
641	2331720187	ĐÌNH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	011100052402	Lịch sử Đảng	2	
642	2331720187	ĐÌNH HOÀNG ÁNH	NGUYỆT	23ĐHNA04	010100093005	Đọc - Viết 4	3	
643	2331720204	PHAN THANH	VÂN	23ĐHNA04	010100092509	Nghe - Nói 4	3	
644	2331720223	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	23ĐHNA05	010100121505	Biên dịch	2	
645	2331720223	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	23ĐHNA05	010100093707	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
646	2331720228	VÕ HOÀNG	OANH	23ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
647	2331720261	LÊ LƯU KIẾN	PHÚC	23ĐHNA02	010100074617	Triết học Mác Lênin	3	
648	2331720277	VÕ THỊ HẢI	YẾN	23ĐHNA05	010100093009	Đọc - Viết 4	3	
649	2331720277	VÕ THỊ HẢI	YẾN	23ĐHNA05	010100121510	Biên dịch	2	
650	2331720277	VÕ THỊ HẢI	YẾN	23ĐHNA05	010100093707	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
651	2331720277	VÕ THỊ HẢI	YẾN	23ĐHNA05	010100092509	Nghe - Nói 4	3	
652	2331720297	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	23ĐHTT06	010100037301	Cơ sở dữ liệu	3	
653	2331720300	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LINH	23ĐHNA06	010100121510	Biên dịch	2	
654	2331720300	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LINH	23ĐHNA06	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
655	2331720300	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LINH	23ĐHNA06	010100092504	Nghe - Nói 4	3	
656	2331720300	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LINH	23ĐHNA06	010100093009	Đọc - Viết 4	3	
657	2331720300	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LINH	23ĐHNA06	010100093703	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
658	2331720308	Ngô Thuỷ Thảo	Trình	23ĐHNA06	010100084310	Ngữ pháp 1	3	
659	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100092501	Nghe - Nói 4	3	
660	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100121508	Biên dịch	2	
661	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
662	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100093002	Đọc - Viết 4	3	
663	2331720319	LÊ NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	23ĐHNA06	011100074605	Triết học Mác Lênin	3	
664	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100074601	Triết học Mác Lênin	3	
665	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100093707	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
666	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100121505	Biên dịch	2	
667	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
668	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100093004	Đọc - Viết 4	3	
669	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100092506	Nghe - Nói 4	3	
670	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100052403	Lịch sử Đảng	2	
671	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100084314	Ngữ pháp 1	3	
672	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100084414	Luyện phát âm	3	
673	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100084114	Nghe - Nói 1	3	
674	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	23ĐHNA06	010100084214	Đọc - Viết 1	3	
675	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100093709	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	

676	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100093005	Đọc - Viết 4	3	
677	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100040602	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	2	
678	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100094303	Văn hóa Anh - Mỹ (British and American Cultures)	2	
679	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100052402	Lịch sử Đảng	2	
680	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100153301	Strategic Management	3	
681	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100154901	Logistics & Supply Chain Management	3	
682	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100162301	Air Cargo Management	3	
683	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
684	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100152101	Management in Practice 1	1	
685	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100153901	International Air Transport Regulations	3	
686	2331720412	Ngô Trần Hạnh	Dung	23ĐHNA05	010100074616	Triết học Mác Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	
687	2331720412	Ngô Trần Hạnh	Dung	23ĐHNA05	010100093001	Đọc - Viết 4	3	
688	2331720413	LÝ NGUYỄN MINH	HUY	23ĐHNA05	011100052402	Lịch sử Đảng	2	
689	2331720415	Bùi Thảo	Nhi	23ĐHNA06	010100121510	Biên dịch	2	
690	2331720415	Bùi Thảo	Nhi	23ĐHNA06	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
691	2331720419	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23ĐHNA07	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
692	2331720419	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	23ĐHNA07	010100093705	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
693	2331720428	Trương Đình	Sang	23ĐHNA02	010100093702	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
694	2331720428	Trương Đình	Sang	23ĐHNA02	010100121508	Biên dịch	2	
695	2331720428	Trương Đình	Sang	23ĐHNA02	010100093004	Đọc - Viết 4	3	
696	2331720428	Trương Đình	Sang	23ĐHNA02	010100092506	Nghe - Nói 4	3	
697	2331720432	Nghê Thùy	Trang	23ĐHNA03	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
698	2331720432	Nghê Thùy	Trang	23ĐHNA03	010100084203	Đọc - Viết 1	3	
699	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
700	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100121509	Biên dịch	2	
701	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100093704	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
702	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100093006	Đọc - Viết 4	3	
703	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100092510	Nghe - Nói 4	3	
704	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trần	23ĐHNA04	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
705	2331720463	Dương Thị Tú	Uyên	23ĐHNA04	010100093703	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
706	2331720463	Dương Thị Tú	Uyên	23ĐHNA04	010100121503	Biên dịch	2	
707	2331720463	Dương Thị Tú	Uyên	23ĐHNA04	010100093004	Đọc - Viết 4	3	
708	2331720463	Dương Thị Tú	Uyên	23ĐHNA04	010100092506	Nghe - Nói 4	3	
709	2331720463	Dương Thị Tú	Uyên	23ĐHNA04	011100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
710	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100093707	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
711	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100121510	Biên dịch	2	

712	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100093009	Đọc - Viết 4	3	
713	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100121505	Biên dịch	2	
714	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100092504	Nghe - Nói 4	3	
715	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100093005	Đọc - Viết 4	3	
716	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100093707	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
717	2331720470	Nguyễn Trần	Tiến	23ĐHNA02	010100093003	Đọc - Viết 4	3	
718	2331730001	Võ Phan Phương	Thư	23ĐHDL01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
719	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
720	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
721	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100022103	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
722	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100111901	Tiếng Anh 3	3	
723	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100123901	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
724	2331730017	ĐOÀN NGỌC THẢO	CHI	23ĐHDL01	010100140703	Lịch sử văn minh thế giới	3	
725	2331730021	VÕ QUỲNH	THƯ	23ĐHDL01	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
726	2331730036	MAI THỊ YẾN	NHI	23ĐHDL01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
727	2331730036	MAI THỊ YẾN	NHI	23ĐHDL01	010100140701	Lịch sử văn minh thế giới	3	
728	2331730036	MAI THỊ YẾN	NHI	23ĐHDL01	010100022101	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
729	2331730036	MAI THỊ YẾN	NHI	23ĐHDL01	010100123701	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
730	2331730038	VŨ HOÀNG TIẾN	DŨNG	23ĐHDL01	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
731	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100022103	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
732	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100123901	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
733	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100124001	Thực hành nghề nghiệp du lịch 2	4	
734	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
735	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100001608	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
736	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100123401	Quản trị kinh doanh lẻ hành	3	
737	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100141601	Nghịệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
738	2331730053	BÙI MỸ	DUYÊN	23ĐHDL03	010100123702	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
739	2331730070	NGUYỄN ĐỖ YẾN	CHI	23ĐHDL01	010100123901	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
740	2331730107	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	23ĐHDL02	010100123702	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
741	2331730107	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	23ĐHDL02	010100052401	Lịch sử Đảng	2	
742	2331730107	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	23ĐHDL02	010100022101	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
743	2331730111	NGUYỄN TRÚC THIÊN	ÂN	23ĐHDL02	010100141601	Nghịệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
744	2331730111	NGUYỄN TRÚC THIÊN	ÂN	23ĐHDL02	010100017103	Quản trị tài chính	3	
745	2331730111	NGUYỄN TRÚC THIÊN	ÂN	23ĐHDL02	010100123802	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	
746	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100022103	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
747	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100140703	Lịch sử văn minh thế giới	3	

748	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	011100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
749	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
750	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100123903	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
751	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100111904	Tiếng Anh 3	3	
752	2331730123	Phạm Vĩ	Khang	23ĐHDL03	010100141601	Nghệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
753	2331730138	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN		23ĐHDL03	010100022103	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
754	2331730138	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN		23ĐHDL03	010100123703	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
755	2331730138	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN		23ĐHDL03	010100123903	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
756	2331730138	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN		23ĐHDL03	010100141601	Nghệp vụ tổ chức sự kiện trong du lịch	3	
757	2331730138	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN		23ĐHDL03	010100140702	Lịch sử văn minh thế giới	3	
758	2331730139	LÊ HOÀNG BÍCH	THY	23ĐHDL03	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
759	2331730139	LÊ HOÀNG BÍCH	THY	23ĐHDL03	010100123509	Tổng quan du lịch	3	
760	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100123903	Thực hành nghề nghiệp du lịch 1	4	
761	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100017105	Quản trị tài chính	3	
762	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100022101	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
763	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100123701	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	
764	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100140701	Lịch sử văn minh thế giới	3	
765	2331730247	Lê Minh	Toàn	23ĐHDL03	010100010419	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
766	2331740024	HỒ KIẾN	VĂN	23ĐHKV01	010100148902	Địa lý kinh tế vùng Đông Nam Á	2	
767	2331740041	TỪ VÕ MINH	THƯ	23ĐHKV01	010100001304	Pháp luật hàng không	2	
768	2331740041	TỪ VÕ MINH	THƯ	23ĐHKV01	010100158101	Quản trị đội tàu bay hãng hàng không	3	
769	2331740041	TỪ VÕ MINH	THƯ	23ĐHKV01	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
770	2331740041	TỪ VÕ MINH	THƯ	23ĐHKV01	010100158301	Cân bằng trọng tải	3	
771	2331740078	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM		23ĐHKV02	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
772	2331740086	HUỲNH THỊ THẢO	ANH	23ĐHKV02	010100017707	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
773	2331740109	BÙI QUỲNH	THƯ	23ĐHKV02	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
774	2331740202	HUỲNH NGUYỄN BẢO NGÂN		23ĐHKV04	010100145101	Luật vận tải	3	
775	2331740203	LÊ GIA	HÂN	23ĐHKV04	010100001301	Pháp luật hàng không	2	
776	2331740223	TRẦN ĐẶNG THANH HUYỀN		23ĐHKV05	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
777	2331740223	TRẦN ĐẶNG THANH HUYỀN		23ĐHKV05	010100145103	Luật vận tải	3	
778	2331740223	TRẦN ĐẶNG THANH HUYỀN		23ĐHKV05	010100070801	Thương mại điện tử	3	
779	2331740223	TRẦN ĐẶNG THANH HUYỀN		23ĐHKV05	010100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
780	2331740237	LÊ PHẠM HUYỀN	TRANG	23ĐHKV05	010100070803	Thương mại điện tử	3	
781	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
782	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100145101	Luật vận tải	3	
783	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100001609	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

784	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
785	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
786	2331740289	VƯƠNG THU	TÂM	23ĐHKV03	010100070803	Thương mại điện tử	3	
787	2331740291	NGUYỄN NHÃ	UYÊN	23ĐHKV03	010100158301	Cân bằng trọng tải	3	
788	2332310011	Nguyễn Gia	Quý	23ĐVQT01	010200055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
789	2332310012	Nguyễn Ngọc	Hà	23ĐVQT01	010200001301	Pháp luật hàng không	2	
790	2332310012	Nguyễn Ngọc	Hà	23ĐVQT01	010200010602	Marketing căn bản	3	
791	2332310012	Nguyễn Ngọc	Hà	23ĐVQT01	010200070801	Thương mại điện tử	3	
792	2332310012	Nguyễn Ngọc	Hà	23ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	2	
793	2332310014	Phan Diễm	My	23ĐVQT01	010200001301	Pháp luật hàng không	2	
794	2332310014	Phan Diễm	My	23ĐVQT01	010200017101	Quản trị tài chính	3	
795	2332310014	Phan Diễm	My	23ĐVQT01	010200008101	An toàn hàng không	2	
796	2332310014	Phan Diễm	My	23ĐVQT01	010200010602	Marketing căn bản	3	
797	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200001301	Pháp luật hàng không	2	
798	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200082001	Dẫn đường hàng không	3	
799	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200144201	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát (CNS/ATM)	3	
800	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200003001	Sân bay	3	
801	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
802	2332710004	Trần	Sang	23ĐVKL01	010200033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
803	2334330006	QUÁCH TÚ	MỸ	23ĐAQT01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
804	2334330009	HUỖNH CÔNG	DANH	23ĐHQTKQ2	010100096801	Thực tập nghề nghiệp QTKD	4	
805	2334330009	HUỖNH CÔNG	DANH	23ĐHQTKQ2	010100150701	Kinh doanh quốc tế	3	
806	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	010100153301	Strategic Management	3	
807	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	010100154901	Logistics & Supply Chain Management	3	
808	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	010100162301	Air Cargo Management	3	
809	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
810	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	010100152101	Management in Practice 1	1	
811	2334330018	PHAN THÀNH	NAM	23ĐAQT01	010100153901	International Air Transport Regulations	3	
812	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐHQTVT2	010100000113	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
813	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐHQTVT2	010100001301	Pháp luật hàng không	2	
814	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	23ĐAQT01	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
815	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐHQTKQ2	010100149802	Quản trị đa văn hóa	3	
816	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐHQTKQ2	010100011908	Quản trị Marketing	3	
817	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐHQTKQ2	010100012013	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
818	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐHQTKQ2	010100017708	Lý thuyết xác suất - thống kê (Probability Theory and Statistic)	4	
819	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐHQTKQ2	010100001605	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

820	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐHQTKQ2	010100150704	Kinh doanh quốc tế	3	
821	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐHQTKQ2	010100012008	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	
822	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐHQTKQ2	010100149808	Quản trị đa văn hóa	3	
823	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐHQTKQ2	010100011907	Quản trị Marketing	3	
824	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
825	2341810008	Trương Phan Bảo	Hân	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
826	2341810017	Điền Tuấn	Hưng	23CĐTM01	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	4	
827	2341810017	Điền Tuấn	Hưng	23CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
828	2341810017	Điền Tuấn	Hưng	23CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
829	2341810017	Điền Tuấn	Hưng	23CĐTM01	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
830	2341810024	Đoàn Chính	Thuần	23CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
831	2341810024	Đoàn Chính	Thuần	23CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
832	2341810025	Lư Thị Mỹ	Tuyền	23CĐTM01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
833	2341810025	Lư Thị Mỹ	Tuyền	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
834	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100069101	Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	4	
835	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
836	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100069001	Hành lý bất thường	2	
837	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100030301	Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	
838	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100052201	Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	
839	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
840	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100052101	Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	
841	2341810045	Lê Thị Bảo	Ngọc	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	Lớp riêng
842	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100008101	An toàn hàng không	2	
843	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100002901	Khí tượng hàng không	3	
844	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100033201	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
845	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100031601	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	2	
846	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
847	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
848	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100031401	Qui tắc bay	2	Lớp riêng
849	2341820009	Nguyễn Lê Minh	Chi	23CĐKL01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
850	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100031601	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	2	
851	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
852	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
853	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100008101	An toàn hàng không	2	
854	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100002901	Khí tượng hàng không	3	
855	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100033201	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	

856	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100008101	An toàn hàng không	2	
857	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100002901	Khí tượng hàng không	3	
858	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100033201	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
859	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100031601	Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	2	
860	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
861	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
862	2341830001	Nguyễn Phước	Minh	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
863	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
864	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
865	2341830006	Hồ Minh Hoàng	Long	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
866	2341830007	Đinh Hồng	Quân	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
867	2341830009	Nguyễn Bích	Kim	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
868	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
869	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
870	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
871	2341830018	Phạm Thu	Phương	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
872	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
873	2341830022	Phạm Thế	Đức	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
874	2341830024	Nguyễn Việt	Quân	23CĐAN01	030100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
875	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100067301	Vẽ kỹ thuật	2	